

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2022/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 05 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định khu vực không được phép chăn nuôi, chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;

Xét Tờ trình số 74/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi, chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 36/BC-BKTNS ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định khu vực không được phép chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác, chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân có tham gia hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác (bao gồm: chim yến, hươu sao, ong mật, chó, mèo và vật nuôi khác theo quy định tại phụ lục VIII, Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ), trừ nuôi động vật làm cảnh, làm thú cưng, nuôi động vật không vì mục đích thương mại và nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Khu vực không được phép chăn nuôi

1. Các tổ chức, cá nhân không được phép chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác trong phạm vi 1.000 m tính từ trung tâm hành chính cấp huyện; 500 m tính từ trung tâm hành chính cấp xã; các khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công trình công cộng được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết.

2. Đối với địa bàn các thành phố: Rạch Giá, Hà Tiên và Phú Quốc, khu vực không được phép chăn nuôi được quy định chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

1. Đối tượng thụ hưởng

Các tổ chức, cá nhân có chăn nuôi (trừ nuôi chim yến) thực hiện di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Mỗi cơ sở chăn nuôi khi di dời chỉ được hỗ trợ một lần.

b) Chính sách quy định tại khoản 4 Điều này không áp dụng cho những cơ sở chăn nuôi đã được hưởng chính sách hỗ trợ tương tự từ các quy định, chính sách của tỉnh, của trung ương hoặc không có nhu cầu di dời đến địa điểm mới để chăn nuôi.

c) Việc hỗ trợ được thực hiện sau khi cơ sở chăn nuôi đã hoàn thành việc di dời chuồng trại ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi và đã đến nơi chăn nuôi mới (có xác nhận của chính quyền địa phương nơi đến).

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Cơ sở chăn nuôi đang hoạt động trong khu vực không được phép chăn nuôi trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

b) Cơ sở chăn nuôi quy mô nông hộ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

c) Cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận.

(Quy mô chăn nuôi được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ).

4. Nội dung và mức hỗ trợ

Các cơ sở chăn nuôi khi di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này sẽ được hỗ trợ giá trị chuồng trại chăn nuôi như sau:

a) Đối với cơ sở chăn nuôi xây dựng kiên cố: cột xây gạch, bê tông, cột sắt; tường gạch; mái tôn, Fibro xi măng hoặc lá; nền láng xi măng: mức hỗ trợ 200.000 đồng/m² chuồng trại.

b) Các cơ sở chăn nuôi còn lại hỗ trợ 100.000 đồng/m² chuồng trại.

c) Mức hỗ trợ tối đa đối với một cơ sở:

- Chăn nuôi quy mô nông hộ: 10.000.000 đồng/cơ sở.

- Chăn nuôi quy mô trang trại nhỏ: 40.000.000 đồng/cơ sở.

- Chăn nuôi quy mô trang trại vừa: 200.000.000 đồng/cơ sở.

5. Đối với cơ sở chấm dứt chăn nuôi, không thực hiện di dời

Các cơ sở chấm dứt chăn nuôi, không thực hiện di dời sẽ được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề (nếu có nhu cầu).

a) Đối tượng, điều kiện áp dụng

Chủ cơ sở, người lao động đang làm việc trực tiếp tại các cơ sở chăn nuôi (trừ nuôi chim yến) khi chấm dứt chăn nuôi, không di dời có nhu cầu đào tạo, chuyển đổi nghề.

b) Nội dung và phương thức hỗ trợ

Chủ cơ sở, người lao động có nhu cầu học nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng, đăng ký với cơ sở giáo dục nghề nghiệp đủ điều kiện hoạt động theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp hoặc Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi có hộ khẩu thường trú để đăng ký học nghề.

Chính sách hỗ trợ học nghề được thực hiện thông qua cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực tiếp tổ chức đào tạo.

Điều 4. Quy định vùng nuôi chim yến

1. Vùng nuôi chim yến phải bảo đảm phù hợp tập tính hoạt động của chim yến, phù hợp quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và không gây ảnh hưởng đến đời sống của cư dân tại khu vực nuôi chim yến.

2. Nhà yến phải có khoảng cách đến ranh giới đất của các cơ sở giáo dục, y tế, tôn giáo, cơ quan, chợ, trung tâm thương mại, sân bay, khu quân sự tối thiểu là 300 m.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi đã xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thuộc khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này, thì chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2024 phải di dời đến địa điểm chăn nuôi phù hợp hoặc ngừng hoạt động chăn nuôi.

2. Đối với các nhà yến đã hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ, được dẫn chiếu tại Nghị quyết này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- UBND cấp huyện;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND;
- Trang hồ sơ công việc;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Huỳnh



Phụ lục

KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI

TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ: RẠCH GIÁ, HÀ TIÊN, PHÚ QUỐC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Địa bàn	Khu vực không được phép chăn nuôi
1	Thành phố Rạch Giá	- Toàn bộ khu vực phường Vĩnh Lợi, Rạch Sỏi, An Bình, An Hòa, Vĩnh Lạc, Vĩnh Bảo, Vĩnh Thanh Vân, Vĩnh Thanh, Vĩnh Quang. - Phường Vĩnh Hiệp: Khu phố Dãy Ốc, Thông Chử, Vĩnh Phát và Phi Kinh. - Phường Vĩnh Thông: Khu dân cư phường Vĩnh Thông. - Các khu vực còn lại: Theo khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.
2	Thành phố Hà Tiên	- Phường Đông Hồ: Toàn bộ diện tích khu vực trung tâm phường được giới hạn bởi các tuyến đường: Phương Thành, Trần Hữu, Đông Hồ và Rạch U. - Phường Bình San: Toàn bộ diện tích Phường. - Phường Pháo Đài: Khu đô thị mới lấn biển Hà Tiên (C&T); đường Nguyễn Phúc Chu; đường tỉnh lộ 28; đường Núi Đèn, khu du lịch Mũi Nai. - Phường Tô Châu: Toàn bộ diện tích quy hoạch khu dân cư Tô Châu; đường 2/9; đường Nguyễn Phúc Chu; khu đô thị du lịch Nam Hà Tiên; khu dân cư Cừ Long; khu dân cư - dịch vụ và hậu cần Cảng vật liệu xây dựng; khu dịch vụ - thương mại - du lịch Tô Châu. - Phường Mỹ Đức: Tỉnh lộ 28, Đường vào khu du lịch Đá Dựng; khu du lịch Đá Dựng; khu du lịch Thạch Động và khu du lịch giáp ranh Cửa Khẩu quốc tế Hà Tiên. - Các khu vực còn lại: Theo khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.
3	Thành phố Phú Quốc	- Phường Dương Đông: Khu phố 1 đến khu phố 11. - Phường An Thới: Khu phố 1 tới khu phố 3; khu phố 5, khu phố 8 và khu phố Bãi Nam, Bãi Chướng và Hòn Rỏi. - Các khu vực còn lại: Theo khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.